



**ECOVIS**<sup>®</sup>  
AFA VIETNAM

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**  
**ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING – APPRAISAL AND CONSULTING CO., LTD**

142 Xo Viet Nghe Tinh St., Hoa Cuong Nam Ward, Hai Chau Dist., Danang City, Vietnam  
Tel: +84 236 363 3333 | Fax: +84 236 363 3338 | Email: info@ecovis.com.vn

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 36

KI  
HÀ  
V  
EC  
V  
WH

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Hữu Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Thành viên
Ông Trương Tùng Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Trung Chuyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Quốc Việt	Trưởng ban
Bà Huỳnh Văn Đặng Thị Lệ Hoa	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên

Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Tùng Hưng	Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và tại ngày lập báo cáo này của Công ty là ông Trương Tùng Hưng.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: [www.ecovis.com/vietnam/audit](http://www.ecovis.com/vietnam/audit)).

#### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ các vấn đề được nêu trong báo cáo kiểm toán kèm theo, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

#### CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ SỞ HỮU

Công ty có khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 96.907.166.926 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107.321.666.708 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.



**Trương Tùng Hưng**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Số: 76/2021/BCKT-EAV

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**  
**Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản (dưới đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/03/2021 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### ***Trách nhiệm của Tổng Giám đốc***

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### ***Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ***

1. Như trình bày tại Thuyết minh 4.8, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000 VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân là chưa phù hợp với quy định hiện hành.
2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2.5 trong Báo cáo tài chính về khoản lỗ tích lũy đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vượt vốn chủ sở hữu số tiền là 96.907.166.926 VND và nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn số tiền là 107.321.666.708 VND. Đồng thời, theo Thuyết minh 4.15, Công ty có các khoản nợ gốc và lãi vay đã quá hạn lần lượt là 32.353.400.000 VND và 58.955.840.114 VND nhưng chưa thực hiện gia hạn với ngân hàng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính này tại báo cáo kiểm toán số 26/BCKT/2020-RSMMT ngày 12/03/2020. Các điểm ngoại trừ được nhắc lại trong báo cáo kiểm toán kỳ này là do Công ty chưa giải quyết.



**Phạm Quang Trung**  
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1334-2021-240-1

**Kim Văn Việt**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
1486-2021-240-1

**Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM**

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.065.588.217</b>	<b>6.270.465.993</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>698.107.170</b>	<b>515.864.866</b>
1. Tiền	111		698.107.170	515.864.866
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>781.801.012</b>	<b>1.165.902.950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	101.581.357.935	101.655.444.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	55.848.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.3	19.084.658.208	19.108.941.573
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.4	(119.884.215.131)	(119.654.331.074)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.5</b>	<b>2.444.518.734</b>	<b>1.921.350.213</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.562.910.669	5.041.170.719
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.118.391.935)	(3.119.820.506)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>141.161.301</b>	<b>2.667.347.964</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	126.966.593	17.347.964
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.12	14.194.708	2.650.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.117.299.782</b>	<b>12.350.299.294</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>9.000.000</b>	<b>9.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.3	9.000.000	9.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.017.836.602</b>	<b>7.187.839.906</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.7	5.152.836.602	6.322.839.906
Nguyên giá	222		48.958.884.150	49.350.242.798
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.806.047.548)	(43.027.402.892)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	865.000.000	865.000.000
Nguyên giá	228		865.000.000	865.000.000
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.818.182</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		21.818.182	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.9</b>	<b>4.889.250.613</b>	<b>4.889.250.613</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.801.833.320	12.801.833.320
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.912.582.707)	(7.912.582.707)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>179.394.385</b>	<b>264.208.775</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	179.394.385	264.208.775
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>15.182.887.999</b>	<b>18.620.765.287</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>112.090.054.925</b>	<b>115.342.666.944</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.387.254.925</b>	<b>114.413.966.944</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	3.718.348.410	3.651.224.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.11	1.279.777.499	722.824.991
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.12	127.385.952	434.102.001
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.13	295.423.500	108.906.364
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.14	73.612.919.564	70.658.282.831
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.15	32.353.400.000	38.679.832.644
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	158.793.538
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>702.800.000</b>	<b>928.700.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.14	702.800.000	928.700.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(96.907.166.926)</b>	<b>(96.721.901.657)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.16</b>	<b>(96.907.166.926)</b>	<b>(96.721.901.657)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.000.000.000	42.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		559.410.000	559.410.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.353.000.000)	(1.353.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.162.286.263	4.162.286.263
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(142.275.863.189)	(142.090.597.920)
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(142.090.597.920)	(143.677.007.594)
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(185.265.269)	1.586.409.674
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>15.182.887.999</b>	<b>18.620.765.287</b>



Phê duyệt

Trương Tùng Hưng  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Người lập

Vũ Văn Công  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Mẫu số B 02 - DN****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	16.985.828.356	19.969.715.117
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.985.828.356	19.969.715.117
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	8.744.231.324	11.423.807.359
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.241.597.032	8.545.907.758
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.744.105	565.352.126
7. Chi phí tài chính	22	5.4	3.079.072.933	5.459.217.314
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		3.079.072.933	5.459.217.314
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	2.536.003.229	2.365.741.418
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	2.925.148.170	3.164.590.010
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(292.883.195)	(1.878.288.858)
11. Thu nhập khác	31	5.7	110.447.435	3.520.566.324
12. Chi phí khác	32	5.8	2.829.509	55.867.792
13. Lợi nhuận khác	40		107.617.926	3.464.698.532
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(185.265.269)	1.586.409.674
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(185.265.269)	1.586.409.674
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.16.5	(46)	390
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.16.6	(46)	390



Phê duyệt

**Trương Tùng Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Người lập

**Vũ Văn Công**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		17.559.500.196	19.600.959.113
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(5.096.260.301)	(7.981.342.754)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.493.599.581)	(5.358.231.910)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.587.954.432	3.297.252.819
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.981.765.721)	(10.245.470.416)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.575.829.025</b>	<b>(686.833.148)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(72.898.182)	(312.193.020)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.189.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(20.800.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	23.990.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.744.105	565.352.126
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(67.154.077)</b>	<b>6.632.159.106</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	-	64.240.873
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(6.326.432.644)	(18.699.549.723)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(6.326.432.644)</b>	<b>(18.635.308.850)</b>
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>		<b>182.242.304</b>	<b>(12.689.982.892)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		515.864.866	13.205.847.758
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>		<b>698.107.170</b>	<b>515.864.866</b>



Phê duyệt

**Trương Tùng Hưng**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Người lập

**Vũ Văn Công**  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản tiền thân là Công ty Công nghiệp Thủy sản là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Hải sản Biển Đông (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam Công ty Cổ phần – Seaprodex), được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 862/QĐ-BTS ngày 27 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006087 ngày 12 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 9 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần gần nhất vào ngày 12/07/2018.

Ngày 17 tháng 09 năm 2010, Công ty chính thức được giao dịch chứng khoán tại thị trường Upcom theo Thông báo Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán là SCO.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 42.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	Việt Nam	19.470.000.000	46,36%	19.470.000.000	46,36%
Ông Quách Tấn Hải	Việt Nam	4.380.000.000	10,43%	4.380.000.000	10,43%
Các cổ đông khác	Việt Nam	18.150.000.000	43,21%	18.150.000.000	43,21%
<b>Cộng</b>		<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 42 người (31/12/2019: 44 người).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Đóng tàu và cấu kiện nổi, chi tiết: đóng mới, sửa chữa tàu vỏ gỗ, sắt, vật liệu composite;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh kho hàng, bến bãi;
- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp, chi tiết: Sản xuất động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, chi tiết: Bán buôn động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), (không tồn trữ hóa chất). Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, hạt nhựa, sản phẩm nhựa;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Sản xuất máy chuyên dụng khác, chi tiết: Công nghiệp chế tạo máy móc thiết bị thủy sản;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ composite;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Nhập khẩu các thiết bị hàng hải, thủy động cơ, phụ tùng các loại, hàng tiêu dùng, vật tư chuyên ngành, phương tiện thủy, phòng hộ, cứu sinh, cứu đắm. Xuất khẩu các sản phẩm cơ khí phụ tùng động cơ Diesel, phương tiện vận chuyển và các sản phẩm từ composite, cung ứng vật tư. Mua bán máy móc, trang thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Xuất khẩu thủy sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Xuất khẩu hàng may mặc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa phân vào đâu, chi tiết: Công nghiệp thực phẩm;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá, chi tiết: Sản xuất nước đá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ, chi tiết: Kinh doanh vận tải (bộ)(trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt, hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ cầu cảng, Kinh doanh vận tải (thủy);
- Khai thác thủy sản biển, chi tiết: Khai thác thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản, chi tiết: chế biến thủy sản;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ, chi tiết: Dịch vụ cửa xẻ gỗ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, chi tiết: Chế biến gỗ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Tổ chức nghiên cứu và thiết kế sản phẩm mới về tàu thuyền và sản phẩm cơ khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật công nghệ mới, vật liệu mới, công nghệ thông tin để phục vụ sản xuất kinh doanh và chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, chi tiết: Mua bán hàng nông sản (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/09/2017 về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh). Bán buôn nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không sản xuất tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp ráp trị động cơ nổ, động cơ thủy, máy phát điện, máy bơm nước, máy cắt cỏ, máy nông ngư cơ và phụ tùng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép, kim loại khác.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

### **2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### **2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### **2.5. Giả định hoạt động liên tục**

Công ty có khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 vượt quá vốn chủ sở hữu số tiền là 96.907.166.926 VND và có nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 107.321.666.708 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các chủ đầu tư. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính năm 2020 không có lý do gì để Tổng Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

## **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

### **3.3. Đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

#### ***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### ***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***

*Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### **3.4. Nợ phải thu**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### ***Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.5. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<b><u>Năm 2020</u></b>
▪ Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	3 - 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 28 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo thời gian sử dụng hữu ích.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

*Quyền sử dụng đất*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn thì không tính khấu hao.

### **3.8. Thuê tài sản**

#### ***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

### **3.9. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

### **3.10. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ: 3 năm;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời gian bảo hiểm trên hợp đồng.

### **3.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.



### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

#### **3.13. Chi phí đi vay**

##### ***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### **3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí vật tư, phí cầu và các chi phí khác của công trình.

Căn cứ ước tính của chi phí phải trả là giá bán ước tính dựa trên bảng báo giá.

#### **3.15. Vốn chủ sở hữu**

##### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

##### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

##### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

##### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

##### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**3.16. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.18. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ là chi phí đi vay vốn.

**3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

**3.20. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Thuế GTGT***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Đối với hoạt động đóng tàu mới đánh bắt xa bờ: không chịu thuế GTGT;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Các hoạt động khác áp dụng mức thuế suất theo quy định.

### ***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### **3.23. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **3.24. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	7.228.932	134.195.770
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	690.878.238	381.669.096
<b>Cộng</b>	<b>698.107.170</b>	<b>515.864.866</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	91.086.800.435	91.086.800.435
Công ty Cổ phần Biển Tây	5.517.074.662	5.517.074.662
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	2.308.272.667	2.308.272.667
Công ty Cổ phần Xi Măng Hạ Long	1.158.480.208	1.158.480.208
Các đối tượng khác	1.510.729.963	1.584.816.479
<b>Cộng</b>	<b>101.581.357.935</b>	<b>101.655.444.451</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu khác**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn:				
BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	4.316.670	-	7.801.537	-
Công ty TNHH Vượt Sóng	26.852.123	26.852.123	26.852.123	26.852.123
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410	18.423.790.410
Công ty Cổ phần Biển Tây	161.778.729	161.778.729	161.778.729	161.778.729
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	214.040.695	214.040.695	214.040.695	214.040.695
Công ty Cổ phần Thiết bị máy Động Lực	70.501.000	70.501.000	70.501.000	70.501.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng An Pha	178.395.408	178.395.408	178.395.408	178.395.408
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	6.000.000	-
Phải thu khác	4.983.173	-	19.781.671	-
<b>Cộng</b>	<b>19.084.658.208</b>	<b>19.075.358.365</b>	<b>19.108.941.573</b>	<b>19.075.358.365</b>
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	-	9.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.000.000</b>	<b>-</b>

**4.4. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	119.884.215.131	-	119.654.331.074	-
<b>Cộng</b>	<b>119.884.215.131</b>	<b>-</b>	<b>119.654.331.074</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
<b>Tài khoản 131 "Phải thu khách hàng"</b>	<b>100.808.856.766</b>	-		<b>100.578.972.709</b>	-	
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	91.086.800.435	-	Trên 3 năm	91.086.800.435	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Biển Tây	5.517.074.662	-	Trên 3 năm	5.517.074.662	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	2.308.272.667	-	Trên 3 năm	2.308.272.667	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	1.158.480.208	-	Trên 3 năm	1.158.480.208	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	738.228.794	-	Trên 3 năm	508.344.737	-	Trên 3 năm
<b>Tài khoản 138 "Phải thu khác"</b>	<b>19.075.358.365</b>			<b>19.075.358.365</b>		
Công ty TNHH Vượt Sóng	26.852.123	-	Trên 3 năm	26.852.123	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cửu Long	18.423.790.410	-	Trên 3 năm	18.423.790.410	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Biển Tây	161.778.729	-	Trên 3 năm	161.778.729	-	Trên 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Biển Tây	214.040.695	-	Trên 3 năm	214.040.695	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thiết bị máy Động lực	70.501.000	-	Trên 3 năm	70.501.000	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng An Pha	178.395.408	-	Trên 3 năm	178.395.408	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>119.884.215.131</b>	-		<b>119.654.331.074</b>	-	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	486.202.395	-	495.265.155	-
Công cụ, dụng cụ	2.546.954	-	5.280.175	-
Chi phí SXKD dở dang	1.367.533.614	-	831.881.595	-
Thành phẩm	-	-	687.517	-
Hàng hóa	3.706.627.706	3.118.391.935	3.708.056.277	3.119.820.506
<b>Cộng</b>	<b>5.562.910.669</b>	<b>3.118.391.935</b>	<b>5.041.170.719</b>	<b>3.119.820.506</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 3.706.627.706 VND.

Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm.

**4.6. Chi phí trả trước**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa	30.375.799	-
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.113.392	17.347.964
Chi phí khác	93.477.402	-
<b>Cộng</b>	<b>126.966.593</b>	<b>17.347.964</b>
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	264.208.775
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	179.394.385	-
<b>Cộng</b>	<b>179.394.385</b>	<b>264.208.775</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	41.279.567.941	2.418.590.799	4.846.281.892	805.802.166	49.350.242.798
Nâng cấp TSCĐ	-	-	51.080.000	-	51.080.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.438.648)	-	(442.438.648)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>41.279.567.941</b>	<b>2.418.590.799</b>	<b>4.454.923.244</b>	<b>805.802.166</b>	<b>48.958.884.150</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	35.222.926.395	2.257.517.469	4.741.156.862	805.802.166	43.027.402.892
Khấu hao trong năm	1.051.416.660	72.212.289	97.454.355	-	1.221.083.304
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.438.648)	-	(442.438.648)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>36.274.343.055</b>	<b>2.329.729.758</b>	<b>4.396.172.569</b>	<b>805.802.166</b>	<b>43.806.047.548</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	6.056.641.546	161.073.330	105.125.030	-	6.322.839.906
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>5.005.224.886</b>	<b>88.861.041</b>	<b>58.750.675</b>	<b>-</b>	<b>5.152.836.602</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 0 VND.  
Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 31.843.487.652 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/01/2020	865.000.000	865.000.000
Mua trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>865.000.000</b>	<b>865.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/01/2020	-	-
Khấu hao trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/01/2020	865.000.000	865.000.000
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>865.000.000</b>	<b>865.000.000</b>

Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại 31/12/2020 là 865.000.000 VND là giá trị các Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của Công ty. Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Trà Vinh đều đứng tên cá nhân chứ không phải tên Công ty.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 865.000.000 VND.

**4.9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác:				
Công ty Cổ phần AQUAFEED Cừu Long	7.203.840.000	7.203.840.000	7.203.840.000	7.203.840.000
Công ty Cổ phần Biển Tây (*)	4.835.000.000	213.742.707	4.835.000.000	213.742.707
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 61	267.993.320	-	267.993.320	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Máy Động Lực	445.000.000	445.000.000	445.000.000	445.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Biển Đông	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.801.833.320</b>	<b>7.912.582.707</b>	<b>12.801.833.320</b>	<b>7.912.582.707</b>

Cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán.

(\*) Công ty chưa nhận được báo cáo từ nhiều năm nay, theo thông tin tra cứu trên mạng Tổng cục Thuế thì hiện tại công ty này đã đóng cửa, ngưng hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dịch vụ Máy & Động cơ Đông Dương	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602	2.258.112.602
Ban điều hành dự án Xi măng Hạ Long	761.196.141	761.196.141	761.196.141	761.196.141
Nguyễn Văn Châu	163.294.000	163.294.000	196.830.000	196.830.000
Các đối tượng khác	535.745.667	535.745.667	435.085.832	435.085.832
<b>Cộng</b>	<b>3.718.348.410</b>	<b>3.718.348.410</b>	<b>3.651.224.575</b>	<b>3.651.224.575</b>

**4.11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại & Sản xuất Dầu thực vật Minh Huệ	600.000.000	6.600.000
Công ty Cổ phần Bê tông IBS	649.999.999	649.999.999
Các đối tượng khác	29.777.500	66.224.992
<b>Cộng</b>	<b>1.279.777.499</b>	<b>722.824.991</b>

**4.12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2020		Trong năm		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	119.402.779	1.709.582.840	2.012.650.391	-	422.470.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.983.173	37.870.673	41.519.171	-	11.631.671
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	14.194.708	-	2.680.905.480	45.100.188	2.650.000.000	-
Các loại thuế khác	-	-	5.029.509	5.029.509	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.194.708</b>	<b>127.385.952</b>	<b>4.433.388.502</b>	<b>2.104.299.259</b>	<b>2.650.000.000</b>	<b>434.102.001</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí vật tư, phí cầu khác của công trình	295.423.500	108.906.364
<b>Cộng</b>	<b>295.423.500</b>	<b>108.906.364</b>

**4.14. Phải trả khác**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.091.900.000	1.096.336.200
Phải trả cổ tức cho cổ đông	25.179.450	25.179.450
Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam	13.540.000.000	13.660.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay)	32.443.483.286	31.793.292.616
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Lãi vay)	26.512.356.828	24.083.474.565
<b>Cộng</b>	<b>73.612.919.564</b>	<b>70.658.282.831</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	702.800.000	928.700.000
<b>Cộng</b>	<b>702.800.000</b>	<b>928.700.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2020	Trong năm		Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh	2.299.000.000	-	1.501.432.644	3.800.432.644
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	30.054.400.000	-	4.825.000.000	34.879.400.000
<b>Cộng</b>	<b>32.353.400.000</b>	<b>-</b>	<b>6.326.432.644</b>	<b>38.679.832.644</b>

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
Vay	32.353.400.000	58.955.840.114	38.679.832.644	55.876.767.181
<b>Cộng</b>	<b>32.353.400.000</b>	<b>58.955.840.114</b>	<b>38.679.832.644</b>	<b>55.876.767.181</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh**

Số hợp đồng	38/2011/HỆTD- DNL
Ngày hợp đồng	09/09/2011
Hạn mức vay	40.000.000.000 VND
Số dư nợ đến 31/12/2020	2.299.000.000 VND
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
Tài sản đảm bảo	Quyền sử dụng đất tại thị trấn Long Điền, Huyện Long Điền, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, quyền sử dụng đất tại Trà Vinh 63.610 m <sup>2</sup> (Đã bán thanh lý trong năm 2019)

**ii) Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**

Số hợp đồng	1700-LAV-200303133
Ngày hợp đồng	01/07/2011
Hợp đồng sửa đổi, bổ sung	25/09/2014 ( Kéo dài thời gian thanh toán đến 25/09/2017)
Hạn mức vay	72.000.000.000 VND
Số dư nợ đến 31/12/2020	30.054.400.000 VND
Lãi suất	Theo từng giấy nhận nợ
Mục đích vay	Bổ sung vốn lưu động, mua nguyên vật liệu, chi lương và các chi phí sản xuất, chi phí tài chính. Thanh toán L/C đến hạn và nhận nợ vay bắt buộc đối với chiết khấu chứng từ nếu nước ngoài từ chối nhận thanh toán, bảo lãnh.

**4.16. Vốn chủ sở hữu****4.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc Vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(143.677.007.594)	(98.308.311.331)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.586.409.674	1.586.409.674
Số dư tại ngày 01/01/2020	42.000.000.000	559.410.000	(1.353.000.000)	4.162.286.263	(142.090.597.920)	(96.721.901.657)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(185.265.269)	(185.265.269)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>559.410.000</b>	<b>(1.353.000.000)</b>	<b>4.162.286.263</b>	<b>(142.275.863.189)</b>	<b>(96.907.166.926)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

Địa chỉ: 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.470.000.000	19.470.000.000
Ông Quách Tấn Hải	4.380.000.000	4.380.000.000
Các cổ đông khác	18.150.000.000	18.150.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>

**4.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp đầu năm	42.000.000.000	42.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>42.000.000.000</b>

**4.16.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	135.300	135.300
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	135.300	135.300
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.064.700	4.064.700
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.064.700	4.064.700
<i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4.16.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	(185.265.269)	1.586.409.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(185.265.269)	1.586.409.674
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.064.700	4.064.700
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(46)</b>	<b>390</b>

**4.16.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	(185.265.269)	1.586.409.674
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(185.265.269)	1.586.409.674
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	4.064.700	4.064.700
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.064.700	4.064.700
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(46)</b>	<b>390</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu đóng, sửa chữa thuyền xí nghiệp đóng tàu	4.658.930.157	7.265.693.450
Doanh thu cung cấp dịch vụ cảng	12.326.898.199	12.701.112.577
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.909.090
<b>Cộng</b>	<b>16.985.828.356</b>	<b>19.969.715.117</b>

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn đóng, sửa chữa thuyền xí nghiệp đóng tàu	3.420.667.037	5.424.049.846
Giá vốn của dịch vụ cảng đã cung cấp	5.324.992.858	5.997.989.513
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	1.768.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.428.571)	-
<b>Cộng</b>	<b>8.744.231.324</b>	<b>11.423.807.359</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.744.105	565.352.126
<b>Cộng</b>	<b>5.744.105</b>	<b>565.352.126</b>

**5.4. Chi phí tài chính**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	3.079.072.933	5.459.217.314
<b>Cộng</b>	<b>3.079.072.933</b>	<b>5.459.217.314</b>

**5.5. Chi phí bán hàng**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.091.625.939	1.917.999.043
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	20.151.819
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.530.000	9.413.000
Chi phí bằng tiền khác	430.847.290	418.177.556
<b>Cộng</b>	<b>2.536.003.229</b>	<b>2.365.741.418</b>

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.646.053.300	1.853.750.510
Chi phí vật liệu quản lý	6.746.000	7.690.000
Chi phí dụng cụ văn phòng	38.667.197	107.990.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	105.111.722	139.343.292
Chi phí dự phòng nợ phải thu	229.884.057	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	211.617.347	254.296.968
Chi phí bằng tiền khác	687.068.547	801.518.833
<b>Cộng</b>	<b>2.925.148.170</b>	<b>3.164.590.010</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.7. Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	110.000.000	-
Chi phí lãi vay được ngân hàng miễn giảm	-	3.339.258.325
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm tàu	-	6.296.229
Thu nhập khác	447.435	175.011.770
<b>Cộng</b>	<b>110.447.435</b>	<b>3.520.566.324</b>

**5.8. Chi phí khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí phạt chậm nộp thuế	2.829.509	818.676
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	55.049.116
<b>Cộng</b>	<b>2.829.509</b>	<b>55.867.792</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(185.265.269)	1.586.409.674
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	3.599.786.499	(1.586.409.674)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	3.599.786.499	5.739.055.990
- <i>Thu lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành</i>	288.000.000	276.000.000
- <i>Chi phí lãi vay không hợp lý hợp lệ</i>	3.079.072.933	5.459.217.314
- <i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác</i>	229.884.057	3.020.000
- <i>Phạt vi phạm thuế</i>	2.829.509	818.676
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	7.325.465.664
- <i>Chi phí lãi vay được giảm đã loại trừ chi phí tính thuế các năm trước</i>	-	3.339.258.325
Trừ: Lỗ năm trước chuyển sang	3.414.521.230	3.986.207.339
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2019</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.209.904.386	1.175.853.885
Chi phí nhân công	6.095.268.726	7.607.041.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.221.083.304	1.486.880.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.098.804.475	1.831.876.275
Chi phí khác bằng tiền	4.886.830.848	4.797.906.311
<b>Cộng</b>	<b>14.511.891.739</b>	<b>16.899.558.584</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2019</b> <b>VND</b>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	64.240.873
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>64.240.873</b>

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	<b>Năm 2020</b> <b>VND</b>	<b>Năm 2019</b> <b>VND</b>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.326.432.644	18.699.549.723
<b>Cộng</b>	<b>6.326.432.644</b>	<b>18.699.549.723</b>

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Căn cứ vào thực tế hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc phân chia các hoạt động của Công ty thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Lĩnh vực Bán hàng
- Lĩnh vực Dịch vụ Cảng
- Lĩnh vực đóng tàu, sửa chữa tàu và dịch vụ khác

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Bán hàng		Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	-	2.909.090	12.326.898.199	12.701.112.577	4.658.930.157	7.265.693.450	16.985.828.356	19.969.715.117
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>2.909.090</u>	<u>12.326.898.199</u>	<u>12.701.112.577</u>	<u>4.658.930.157</u>	<u>7.265.693.450</u>	<u>16.985.828.356</u>	<u>19.969.715.117</u>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>								
Chi phí bộ phận								
+ Giá vốn	(1.428.571)	1.768.000	5.324.992.858	5.997.989.513	3.420.667.037	5.424.049.846	8.744.231.324	11.423.807.359
+ Chi phí khác phân bổ	-	420.868.400	3.963.248.417	3.388.342.012	1.497.902.982	1.791.900.716	5.461.151.399	5.601.111.128
<b>Kết quả của bộ phận</b>								
Doanh thu, chi phí không phân bổ								
+ Doanh thu tài chính							5.744.105	565.352.126
+ Chi phí tài chính							3.079.072.933	5.459.217.314
+ Thu nhập khác							110.447.435	3.520.566.324
+ Chi phí khác							2.829.509	55.867.792
Lợi nhuận trước thuế							(185.265.269)	1.586.409.674
Thuế thu nhập doanh nghiệp							-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<u>(185.265.269)</u>	<u>1.586.409.674</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thông tin khác

	Bán hàng		Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	-	2.712.582	11.018.474.390	11.843.155.238	4.164.413.609	6.774.897.468	15.182.887.999	18.620.765.287
<b>Tổng tài sản</b>							<b>15.182.887.999</b>	<b>18.620.765.287</b>

	Bán hàng		Dịch vụ cảng		Dịch vụ đóng tàu, sửa chữa tàu, khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ phải trả của bộ phận	-	16.802.553	81.345.617.489	73.360.094.984	30.744.437.436	41.965.769.407	112.090.054.925	115.342.666.944
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>112.090.054.925</b>	<b>115.342.666.944</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

- Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần
- Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Công ty đầu tư  
Thành viên quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập Tổng Giám đốc	299.203.246	270.534.000
Thù lao Hội đồng quản trị	204.000.000	192.000.000
<b>Cộng</b>	<b>503.203.246</b>	<b>462.534.000</b>

**9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thù lao BKS	84.000.000	84.000.000
<b>Cộng</b>	<b>84.000.000</b>	<b>84.000.000</b>

**10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG*****Công ty là bên cho thuê***

Công ty cho thuê mặt bằng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong năm	12.477.573.199	12.701.112.577
<b>Cộng</b>	<b>12.477.573.199</b>	<b>12.701.112.577</b>

***Công ty là bên đi thuê***

Công ty thuê đất phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo các Hợp đồng thuê đất số 6953/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/08/2008 (Diện tích: 20.731,4 m<sup>2</sup>; địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn thuê: từ ngày 13/09/2004 đến hết ngày 31/12/2045) và Hợp đồng thuê đất số 1176/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 24/02/2009 (Diện tích: 14.604,9 m<sup>2</sup>; địa chỉ: số 10F đường Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; thời hạn thuê: bao gồm phần diện tích 1.477,3 m<sup>2</sup> được thuê và sử dụng cho đến khi Nhà nước quy hoạch, phần diện tích 13.127,6 m<sup>2</sup> có thời hạn đến hết ngày 31/12/2020 và Công ty đang làm thủ tục gia hạn).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phê duyệt

**Trương Tùng Hưng**  
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2021

Người lập

**Vũ Văn Công**  
Kế toán trưởng



V/v: Giải trình ý kiến trên Báo cáo kiểm toán năm 2020

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam. Công ty giải trình về các ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2020 như sau.

Trong Báo cáo kiểm toán số 76/2021/BCKT-EAV ngày 20/3/2021 về Báo cáo tài chính năm 2020 có đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ một số nội dung sau.

1. Như trình bày tại mục (\*) Thuyết minh 4.8, Quyền sử dụng đất tại Trà Vinh trị giá 865.000.000VND, Công ty đang ghi nhận là Tài sản cố định vô hình nhưng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại mang tên cá nhân theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị.

***Giải trình của Công ty:***

Nguồn gốc giá trị quyền sử dụng đất nêu là do Công ty thu hồi nợ của Công ty Cổ phần Aquafeed Cửu Long (bao gồm 08 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Tại thời điểm đó, các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều mang tên cá nhân và việc chuyển sở hữu sang tên Công ty gặp nhiều khó khăn. Do đó, Công ty đã ủy quyền cho Ông Trần Văn Khuynh đứng tên theo Nghị quyết số 30/NQ-CNTS-HĐQT ngày 15/2/2012 của Hội đồng quản trị. Các thửa này sẽ chuyển quyền sở hữu sang cho Công ty.

2. Như trình bày tại Thuyết minh 4.9, tổng giá trị các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2020 là 12.801.833.320 VND, Công ty đã trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này là 7.912.582.707 VND. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này kiểm toán viên chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao dịch trên các sàn giao dịch chứng khoán. Do đó, kiểm toán viên không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung

***Giải trình của Công ty:***

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác hầu như không có hiệu quả, Công ty đã trích lập dự phòng hơn 60% khoản đầu tư trên. Tuy nhiên, cho đến thời điểm này Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm 2020 của các đơn vị nhận đầu tư và các đơn vị này cũng chưa giao



dịch trên các sản giao dịch chứng khoán. Mặt khác một số đơn vị đã ngưng hoạt động hoặc đã bỏ trốn tại địa phương đăng ký kinh doanh. Do đó, Công ty không có cơ sở xem xét số dự phòng các khoản đầu tư dài hạn nêu trên cần hoàn nhập hay trích lập bổ sung.

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty về các ý kiến kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TCKT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Trương Tùng Hưng**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----o0o-----

Số: 69/2020/PLHĐKT-EAV

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG**

*(V/v: Sửa đổi bổ sung Hợp đồng kiểm toán số 69/2020/HĐKT-AFA ngày 15/09/2020)*

Căn cứ Hợp đồng số 69/2020/HĐKT-AFA ngày 15/09/2020 giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA về việc Kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Phụ lục Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

**BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THỦY SẢN**

**Người đại diện** : Ông **TRƯƠNG TÙNG HƯNG**  
**Chức vụ** : Tổng Giám đốc  
**Địa chỉ** : 244 Bùi Văn Ba, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Tel** : 028.387220850 – 028.38725422  
**Mã số thuế** : 0302166033  
**Tài khoản số** : 19026120774565  
**Tại Ngân hàng** : TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Phú Mỹ Hưng - PGD Tân Thuận

**BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**

**Người đại diện** : Ông **PHẠM QUANG TRUNG**  
**Chức vụ** : Tổng Giám đốc  
**Địa chỉ** : 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng, Việt Nam  
**Email** : info@ecovis.com.vn  
**Tel** : (0236) 3633 333  
**Fax** : (0236) 3633 338  
**Mã số thuế** : 04 01632052  
**Tài khoản số** : 004 1000 20 60 68  
**Tại Ngân hàng** : TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng



Các bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng với những điều khoản sau:

**Điều 1.** Thay đổi thông tin của Bên B như sau :

- Thông tin về tên Công ty cũ  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA**
- Thông tin về tên Công ty mới  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**
- Thông tin về email Công ty cũ  
**info@afac.com.vn**
- Thông tin về email Công ty mới  
**info@ecovis.com.vn**



**Điều 2.** Điều khoản chung:

- Các nội dung khác không thay đổi, vẫn giữ nguyên như Hợp đồng số 69/2020/HĐKT-AFA ngày 15/09/2020;
- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và sẽ là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng số 69/2020/HĐKT-AFA ngày 15/09/2020;
- Phụ lục hợp đồng này gồm 02 trang, được lập thành 04 bản có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên. Mỗi bên giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
Tổng Giám đốc   
  
**TRƯƠNG TÙNG HƯNG**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
Tổng Giám đốc   
  
**PHẠM QUANG TRUNG**



Đà Nẵng, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**Kính gửi:** Quý khách hàng cùng các đơn vị đối tác

## THÔNG BÁO

V/v: THAY ĐỔI TÊN CÔNG TY

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá AFA xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý khách hàng cùng các đơn vị đối tác trong thời gian qua.

Kể từ ngày 02/12/2020, Công ty chúng tôi sẽ thay đổi tên, chi tiết như sau:

- Thông tin về tên Công ty cũ  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ AFA**
- Thông tin về tên Công ty mới  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM**
- Các thông tin khác không thay đổi, cụ thể như sau
  - ✓ Người đại diện theo pháp luật:
    - Ông Nguyễn Trọng Hiếu Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên
    - Ông Phạm Quang Trung Chức vụ: Tổng Giám đốc
    - Ông Nguyễn Trung Dũng Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
  - ✓ Địa chỉ : Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
  - ✓ Điện thoại : 0236 - 3633.333 Fax: 0236 - 3633.338
  - ✓ Mã số thuế : 04 01632052
  - ✓ Tài khoản số : 004 1000 20 60 68
  - ✓ Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng
  - ✓ Mã ngành : 6920 (chính)

Mọi thông tin liên lạc và hoạt động giao dịch với Công ty, Quý khách hàng và các đơn vị đối tác vui lòng liên hệ theo tên Công ty mới đã được cập nhật ở trên.

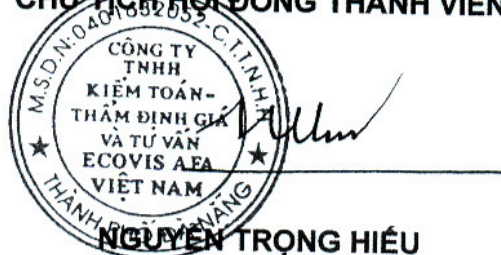
Chúng tôi kính thông báo đến Quý khách hàng cùng các đơn vị đối tác được biết để thuận tiện trong việc liên hệ và công tác.

Trân trọng kính chào!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu Ecovis AFA Việt Nam

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN  
ECOVIS AFA VIỆT NAM  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**



**BẢN SAO**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0401632052**

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 11 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 02 tháng 12 năm 2020

(TÊN DOANH NGHIỆP CŨ: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ  
AFA)

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - THẨM ĐỊNH GIÁ VÀ TƯ VẤN ECOVIS AFA VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOVIS AFA VIETNAM AUDITING - APPRAISAL AND CONSULTING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ECOVIS AFA VIETNAM

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: +84.2363.633333

Fax: +84.2363.633338

Email: [info@afac.com.vn](mailto:info@afac.com.vn)

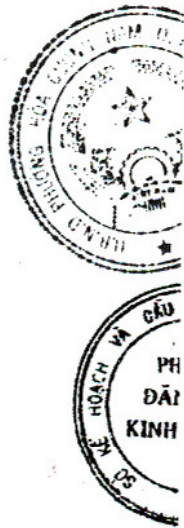
Website: [www.afac.com.vn](http://www.afac.com.vn)

**3. Vốn điều lệ** 9.990.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm chín mươi triệu đồng

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN TRỌNG HIẾU	217/8D Núi Thành, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	2.150.600.000	21,528	201128650	



2	PHẠM QUANG TRUNG	45/2 Nguyễn Như Hạnh, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.317.400.000	13,187	201649550	
3	NGUYỄN HẢI NAM	05 Mai Xuân Thưởng, Phường Hoà Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.317.400.000	13,187	201178975	
4	TRẦN THỊ THÀNH TRÂM	41 Mai Dị, Phường Hoà Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	1.317.400.000	13,187	201676168	
5	NGUYỄN TRUNG DŨNG	54 Hoàng Xuân Nhị, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	940.900.000	9,418	201303089	
6	NGUYỄN HÀ ĐÌNH	Tổ 24, Phường Thanh Khê Tây, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	430.100.000	4,305	201552512	
7	PHẠM THỊ THÚY HẰNG	Tổ 5, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	430.100.000	4,305	201783948	
8	NGUYỄN ĐÌNH BẰNG	Tổ 40, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	322.600.000	3,229	201418450	
9	HOÀNG MINH TRUNG	835/2 Ngô Quyền, Phường An Hải Đông, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	322.600.000	3,229	201663553	
10	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	Tổ 55, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	225.800.000	2,260	201560795	
11	PHAN HOÀI THANH	58 Trần Quý Khoách, Phường Hoà Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	225.800.000	2,260	201784289	
12	LÊ HUY ĐÔNG	Tổ 26, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	225.800.000	2,260	B9616625	

